

THỰC TRẠNG NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO TRIẾT HỌC Ở VIỆT NAM THỜI GIAN QUA – MẤY ĐỀ XUẤT PHƯƠNG HƯỚNG ĐỔI MỚI

NGUYỄN VĂN HUYỀN(*)

Phân tích thực trạng của công tác nghiên cứu và đào tạo triết học ở các viện nghiên cứu và các trường đại học nước ta trong 30 năm trở lại đây và làm rõ một số vấn đề đang đặt ra trong công tác này, bài viết đề xuất một số phương hướng đổi mới. Đó là: đối với việc nghiên cứu triết học Mác - Lênin, không nên tách rời triết học duy vật biện chứng và triết học duy vật lịch sử thành hai mảng riêng biệt, mà nên theo hướng xây dựng tri thức theo các khía cạnh: triết học giá trị, triết học về đời sống tinh thần và tư duy, triết học chính trị - xã hội, triết học kinh tế, triết học hành động, triết học văn hoá. Đối với đào tạo triết học, cần biên soạn lại giáo trình triết học theo tinh thần mở, phương pháp tiếp cận đa dạng và phong phú; đồng thời đổi mới phương pháp giảng dạy, gắn giảng dạy với nghiên cứu.

1. Thành tựu và những vấn đề đang đặt ra

Nghiên cứu và đào tạo triết học ở Việt Nam từ ngày có Đảng đến nay, đặc biệt là từ 30 năm (từ 1975) trở lại đây, đã thu được những thành tựu to lớn, đánh dấu bước trưởng thành quan trọng trong lịch sử phát triển nền triết học nước nhà.

Với kho tàng tư tưởng dân tộc quý báu, tiếp thu tinh hoa triết học nhân loại bằng triết học Mác - Lênin và đứng trên nền tảng triết học khoa học đỉnh cao đó, sự nghiệp nghiên cứu và đào tạo triết học Việt Nam chỉ trong một thời gian ngắn, đã nâng văn hoá triết học của nhân dân ta lên một tầm cao mới, trang bị thế giới quan, phương pháp luận khoa học cho đội ngũ cán bộ của Đảng. Nhà nước và các đoàn thể vận dụng sáng tạo và hiệu quả tri thức và văn hoá triết học vào sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước, phát triển con người, hình thành một đội ngũ các nhà triết học có trình độ, năng lực, khả năng đảm đương sự nghiệp xây dựng và phát

triển nền triết học theo hướng hiện đại: đối thoại được với những tư tưởng, trào lưu triết học thế giới, khẳng định được năng lực trí tuệ, năng lực tư duy và năng lực sáng tạo của giới khoa học nói chung, giới triết học Việt Nam nói riêng.

Có thể nói, cùng với hệ thống các ngành khoa học xã hội và nhân văn, nền triết học nói chung, hoạt động nghiên cứu - đào tạo triết học 30 năm qua nói riêng ở Việt Nam đã thực sự góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng thế giới quan, nhân sinh quan, phát triển đời sống tinh thần, phát triển trí tuệ, năng lực tư duy, khả năng khám phá và sáng tạo trong mọi lĩnh vực, từ kinh tế, chính trị đến văn hoá, xã hội, khoa học, giáo dục của dân tộc Việt Nam.

Tuy nhiên, để tiếp tục phát huy hơn nữa sức mạnh và nguồn lực triết học nước nhà, phát huy những thành tựu nghiên cứu và đào tạo triết học thời gian qua, đặc biệt là

(*) Giáo sư, tiến sĩ, Viện trưởng Viện Chính trị học, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

nguyên cứu và đào tạo triết học trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay, tất cả chúng ta đều nhận thấy, dù là trực quan hay cảm tính (vì chưa có cứ liệu điều tra cụ thể), những bất cập của cả quá trình nghiên cứu và đào tạo của chúng ta.

Trước hết, cần khẳng định rằng, ở nước ta trong thời gian qua, nghiên cứu và đào tạo nói chung, triết học nói riêng chưa có sự gắn kết thực sự có hiệu quả. Sự hợp tác trong nghiên cứu và đào tạo giữa các trường đại học đã được thiết lập, nhưng có thể khẳng định, hiệu quả của sự hợp tác đó chưa cao. Trong khi đó, như chúng ta đều biết, nghiên cứu và đào tạo luôn là một quá trình thống nhất – quá trình tìm tòi khám phá, làm giàu tri thức, tạo ra tri thức mới và nạp tri thức cho con người. Do đó, phải có nghiên cứu triết học tốt mới có đào tạo triết học tốt. Đào tạo triết học không thể nào khác là phải trên cơ sở và bằng những thành tựu triết học mới. Cho nên, cần có cách nhìn nhận mới, cách triển khai, cách tổ chức mới để làm sao có thể kết hợp giữa nghiên cứu và đào tạo một cách tốt nhất trong cả quá trình này. Chỉ khi có được một cơ chế thích hợp trong hoạt động đó, chúng ta mới có thể tạo ra chuyển biến cả trong nghiên cứu lẫn trong đào tạo triết học. Phải chăng, đó là mô hình viện gắn với trường, viện trong trường, trường trong viện, người làm công tác giảng dạy đồng thời là nhà nghiên cứu và nhà nghiên cứu cũng phải tham gia giảng dạy.

Thứ hai, điều quyết định nhất để bảo đảm tính đúng đắn và do vậy, cả kết quả của nghiên cứu và đào tạo triết học, trước hết phải có quan niệm đúng về triết học. Quan niệm đúng thì dù nhanh hay chậm, quá trình nghiên cứu – đào tạo sẽ cho ta kết quả đúng và đi tới mục tiêu; quan niệm sai thì hướng đi sẽ lệch lạc, nghiên cứu và đào tạo sẽ cho ra những sản phẩm méo mó,

què quặt. Quan niệm về triết học của chúng ta, theo tôi, còn nhiều vấn đề cần phải bàn, nhưng phải chăng, một nhược điểm căn bản nhất là còn cứng nhắc và máy móc, nếu không nói là thô thiển đối với tính chất và đặc điểm của bản thân triết học.

Suốt một thời gian dài – cho đến những năm 90 của thế kỷ XX, chúng ta quan niệm và nghiên cứu triết học như là một hệ thống triết học hoàn chỉnh với một số quy luật, phạm trù cố định. Những năm gần đây đã có nhiều đổi mới, nhưng trong nhận thức và trong tư duy, và do đó, cả trong cách tiếp cận và thực hành, chúng ta vẫn theo hướng tách nhận thức về tự nhiên khỏi nhận thức về xã hội.

2. Về nghiên cứu triết học

Triết học là khoa học về tư duy và về thực chất, là một hệ thống luận lý về thế giới (tự nhiên, xã hội, con người). Như vậy, có thể nói, triết học là các cách luận lý của loài người, chúng tồn tại từ cổ đại đến hiện đại, từ Đông sang Tây. Luận lý ấy diễn ra dưới vô vàn hình thức và phương pháp: lôgic – lịch sử, phân tích – tổng hợp, khái quát hoá - trừu tượng hoá, v.v. để cuối cùng, đưa ra những đánh giá dưới dạng kết quả tổng hợp của con người về thế giới. Luận lý về đối tượng (sự vật, hiện tượng) có thể đem lại các kết quả khác nhau, tùy theo các quan niệm khác nhau, nhưng trong mỗi loại luận lý lại là thống nhất ở cách thức, ở phương pháp. Triết học Mác - Lênin là đỉnh cao trong luận lý của loài người về thế giới, về xã hội và tư duy. Cho nên, trong nghiên cứu, chúng ta không thể tách triết học duy vật biện chứng và triết học duy vật lịch sử thành hai mảng riêng biệt. Về thực chất, triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử là một thể thống nhất, là một cách luận lý về tự nhiên, xã hội và con người. Yếu tố duy vật biện

chúng, duy vật lịch sử luôn hoà quyền trong quá trình luận lý về kinh tế, lúc đó ta có triết học kinh tế; về chính trị – ta có triết học chính trị; về xã hội – ta có triết học xã hội; về văn hoá – ta có triết học văn hoá; về khoa học – ta có triết học về cái đúng – chân lý; triết học về đạo đức – (cái thiện), triết học về thẩm mỹ (cái đẹp), v.v..

Do tư duy triết học theo kiểu cũ đó mà nghiên cứu triết học của ta bị xơ cứng, thô thiển. Chúng ta nói sự vật, hiện tượng và nói chung là đối tượng triết học luôn vận động và phát triển, nhưng cách tiếp cận của chúng ta mang tính một chiều (duy vật hay duy tâm), nhiều cái đã an bài, không đặt ngược vấn đề để nghiên cứu: những vấn đề xã hội, con người, thế giới tâm linh; chúng ta đóng khuôn trong các phương pháp tiếp cận và nghiên cứu đối tượng, không thấy rằng các phương pháp nghiên cứu, cả lý luận lẫn thực tiễn, còn phải có các cách khẳng định bằng phủ định, thực hiện định đề ngược, không chỉ chứng minh nó đúng, mà còn chứng minh cái khác sai để khẳng định cái đúng; không chỉ có thế, triết học còn có các phương pháp cảm nhận để đi vào thế giới bí ẩn. Dường như chúng ta coi phương Tây là cách quan niệm, cách tư duy, cách nghiên cứu của các nhà triết học phương Tây với các điều kiện đặc thù, có thể là nổi trội, nào đó của họ (như tiền đề tư tưởng, điều kiện kinh tế – xã hội, khoa học – kỹ thuật, v.v.). Triết học phương Đông có cách quan niệm, cách tiếp cận, cách nghiên cứu của người phương Đông với các điều kiện, đặc thù riêng có của người phương Đông. Thực tế, triết học phương Đông không tiếp cận đối tượng bằng hệ thống các phạm trù như triết học phương Tây, mà bằng thế giới nội tâm, bằng cảm quan; nó có thể đi sâu khám phá thế giới tinh thần, sự huyền bí, tính linh diệu riêng của tâm hồn phương Đông.

Với điều kiện và đặc điểm của riêng mình, các nhà triết học Việt Nam cũng phải trên nền tảng ưu thế của mình mà quan niệm, tư duy, khám phá thế giới, xã hội, con người theo cách của mình. Kế thừa, phát triển triết học thế giới, đặc biệt là triết học phương Đông, trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, với sức mạnh riêng của những đặc điểm tư duy Việt Nam, chúng ta sẽ tạo ra những sản phẩm triết học đích thực mang giá trị Việt Nam và giá trị nhân loại.

Với tinh thần như vậy, triết học Việt Nam có thể nghiên cứu theo tinh thần không phân chia triết học duy vật biện chứng – duy vật lịch sử (chúng là một thể tư duy thống nhất, có mặt trong mọi nhận thức và nghiên cứu đối tượng triết học), v.v., mà là nên theo hướng khám phá, tìm tòi, xây dựng tri thức (theo các khía cạnh triết học sau:

- Triết học giá trị, gồm: chân lý, đạo lý, mỹ lý... nói chung và chân lý, đạo lý, mỹ lý của Việt Nam nói riêng;
- Triết học về đời sống tinh thần và về tư duy;
- Triết học chính trị – xã hội;
- Triết học kinh tế;
- Triết học hành động, thực hành nói chung và của Việt Nam nói riêng;
- Triết học văn hoá (về các mô thức văn hoá với bản sắc của chúng, phong tục, tập quán các dân tộc);
- Triết học tâm linh (triết học về niềm tin, tín ngưỡng, tôn giáo, các hiện tượng khác mà con người chưa giải thích được).

Sản phẩm nghiên cứu của giới triết học Việt Nam có một hạn chế rõ nét là không thể hiện rõ tư tưởng độc lập, thiếu một sự luận giải đạt đến tầm, theo một logic riêng; giữa công trình này và công trình kia ở một nhà nghiên cứu chưa thể hiện rõ một logic

hàng theo cả quá trình, theo một hệ thống. Do vậy, suốt cuộc đời nghiên cứu, hầu như người đó có thể có tới hàng trăm công trình, nhưng không xây dựng được một chủ thuyết riêng, không ai hiểu hệ thống tư tưởng triết học của người đó là gì. Do vậy, chúng ta khó có thể tìm ra được những gương mặt triết học, không tìm thấy các tư tưởng chủ đạo của từng nhà triết học. Nguyên nhân của thực trạng đó là do triết học ở Việt Nam bị khuôn mẫu, phương pháp tiếp cận sáo mòn, không đặt vấn đề nghiên cứu là tìm tòi, khám phá, sáng tạo cái mới và kết quả là ít có những đột phá, ít có những khuynh hướng triết học mới, diện mạo triết học không rõ, thiếu sắc thái riêng, không có những đóng góp lớn về giá trị phổ quát.

Từ đó, theo tôi, cần đổi mới cách đặt vấn đề trong nghiên cứu triết học theo hướng:

- Trên cơ sở lợi ích dân tộc, sự phát triển đất nước, trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, hướng các nhà triết học tới quan niệm triết học đúng đắn, tự do tìm tòi, khám phá, sáng tạo;

- Xây dựng các quan điểm, lý thuyết, trường phái triết học bằng các cách tư duy phong phú, phương pháp nghiên cứu đa dạng để trong thời gian ngắn, có thể hình thành những trường phái triết học, những hiện tượng triết học, những gương mặt triết học có vị trí nhất định trong giới khoa học và nền khoa học Việt Nam.

3. Về đào tạo triết học

Quan niệm, cách tư duy và nghiên cứu triết học đã vậy thì *đào tạo triết học* cũng không thể thoát khỏi quan niệm, cách tư duy, nội dung kiến thức, chương trình đào tạo, cách truyền thụ kiến thức tương ứng: xơ cứng, máy móc, thô thiển và kết quả của đào tạo là đưa ra những sản phẩm (con người) thiếu căn bản, méo mó, thiếu hụt tri thức, đặc biệt là thiếu tư duy triết học.

Nhận định này là có tính xu hướng chung, còn trong thực tế, có nhiều người, do biết kết hợp nhiều nguồn tri thức, do biết cách học, cách nghiên cứu, nên đã đạt được những kết quả nhất định.

Nghiên cứu và đào tạo là các công đoạn, các khâu của cả quá trình xây dựng và phát triển triết học cho từng con người, cho cả nền triết học nước nhà. Dù đến nay, trong đào tạo của ta đã được bổ sung nhiều tri thức mới theo quy luật phát triển tri thức chung của xã hội loài người và theo sự sáng tạo của chúng ta trên cơ sở triết học Mác - Lênin; song, về cơ bản, chúng ta vẫn đào tạo theo cách cũ và trong khuôn khổ triết học cũ (như đã nói ở phần trên).

Chương trình đào tạo của ta vẫn phân ra triết học duy vật biện chứng - duy vật lịch sử; điểm xuất phát để nghiên cứu và đào tạo của ta thường vẫn đóng khung trong một cách nhìn nhận thế giới, xã hội, con người; dường như ta vẫn còn bị chi phối bởi cách nhìn và cách làm là lấy một số tiêu chí có tính khuôn mẫu để soi xét thế giới (tự nhiên, xã hội, con người), mà ít lấy thế giới như là đối tượng chứa đựng vô vàn những ẩn số để khám phá nó từ mọi góc độ, từ mọi cách thức. Theo chúng tôi, nghiên cứu - đào tạo cần phá vỡ tính khuôn mẫu này; phải tìm tòi, khám phá, sáng tạo để tạo ra được những sản phẩm (con người) có tư duy mở hết sức uyển chuyển, có khả năng tìm tòi, khám phá, sáng tạo cao.

Chúng ta cần soạn lại nội dung giáo trình, giáo khoa giảng dạy - đào tạo theo *tinh thần mở, phương pháp tiếp cận đa dạng và phong phú*, đặc biệt là cần quan tâm phát triển thế giới quan và phương pháp luận. Đối với đối tượng đào tạo sau đại học và trên đại học, cần khắc phục và từng bước vượt thoát các nội dung giáo trình, giáo khoa có tính khuôn mẫu. Các giáo trình, giáo khoa của các cấp đào tạo

cần khác biệt về trình độ khoa học, cả nội dung lẫn phương pháp tiếp cận. Chương trình đào tạo trên đại học phải được xây dựng theo hệ thống chuyên đề, bảo đảm cập nhật kiến thức mới và hiện đại, những vấn đề triết học cấp bách mà nhân loại đang đặt ra, thời cuộc đang thách thức, đặc biệt là vấn đề toàn cầu và hội nhập quốc tế.

Phương pháp giảng dạy cũng cần phải đổi mới theo hướng:

- Không truyền đạt lại nguyên xi giáo trình, giáo khoa (phần này học sinh tự đọc);

- Lý giải những vấn đề mới về phương diện khoa học, những vấn đề bức xúc mà lý luận và thực tiễn đang đặt ra;

- Chỉ gọi mở để người học suy tư, tìm tòi, đề xuất cách hiểu, cách lý giải;

- Khuyến khích tính chủ động, tích cực, độc lập suy nghĩ, khám phá cái mới;

- Chấp nhận, khuyến khích các đề xuất ý tưởng táo bạo, khác truyền thống (tất nhiên là phải thuyết phục);

- Luận án của nghiên cứu sinh phải là sự tìm tòi, phát kiến, sáng tạo mới (không chấp nhận các luận án viết theo kiểu trả bài).

Thống nhất với cách tiếp cận trong nghiên cứu, nên chăng, chúng ta cần triển khai quá trình đào tạo theo hướng đi vào các khía cạnh của đối tượng triết học, thí dụ:

- Triết học về giới tự nhiên, về xã hội, về con người;

- Triết học kinh tế, triết học chính trị, triết học văn hoá, triết học khoa học - công nghệ, triết học đạo đức, triết học pháp quyền, triết học thẩm mỹ;

- Triết học thực tiễn - hành động;

- Triết học tinh thần, tâm linh (tín ngưỡng, tôn giáo).

Bởi theo tôi, có đào tạo triết học theo hướng như vậy mới cung cấp và đào tạo được cho người học:

- Cách nhìn nhận đúng về thế giới, về xã hội, về con người;

- Cách xây dựng và phát triển xã hội Việt Nam về kinh tế, chính trị, xã hội, đời sống, con người;

- Sử dụng tốt các phương pháp nhận thức, phân tích, đánh giá triết học như phép biện chứng duy vật, lôgic - lịch sử, phân tích - tổng hợp, khái quát hoá - trừu tượng hoá, phép tổng hợp, v.v. của triết học nhân loại.

Có như vậy, triết học mới thực sự trở thành thế giới quan, phương pháp luận cho tư duy và hành động cải tạo xã hội, xây dựng và phát triển cuộc sống tương lai; và có như vậy, mới thấy triết học thực sự là thế giới quan và phương pháp luận, nền tảng tư tưởng và công cụ sắc bén cho hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá một cách có hiệu quả.

Ngay từ bây giờ, chúng ta phải khẩn trương đổi mới cách suy nghĩ, hướng đi, hướng phát triển tư duy và phương pháp nghiên cứu, đào tạo. Và, điều quan trọng, có tính quyết định là phải biến suy nghĩ thành hành động, phải bắt tay làm ngay từ bây giờ. Suy nghĩ đúng, hướng đi đúng, cách nghĩ và cách làm đúng ngay từ hôm nay thì mới có thể sau 50, thậm chí 100 năm, nền triết học Việt Nam mới có thể đạt được những thành tựu rõ nét, mới có thể nói tới sự đóng góp những giá trị triết học riêng, đặc sắc của Việt Nam vào nền triết học thế giới. □